

# Van khởi động mềm MS6N-SV

Số bộ phận: 548714

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                                                                                                                                                                    |
|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Dòng                                                       | MS                                                                                                                                                                                                         |
| Kích thước                                                 | 6                                                                                                                                                                                                          |
| Kích thước lưới                                            | 62 mm                                                                                                                                                                                                      |
| Chức năng an toàn                                          | Thông gió<br>Ngăn chặn khởi động không mong muốn (thông khí)                                                                                                                                               |
| Lưu ý về lấy mẫu động bất buộc                             | Tần suất chuyển mạch ít nhất 1/tháng                                                                                                                                                                       |
| Cấu trúc xây dựng                                          | thanh trượt pít tông<br>Đế pít tông                                                                                                                                                                        |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                                                                                                                                                                                       |
| kiểm soát cung cấp không khí                               | trong                                                                                                                                                                                                      |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                                                                                                                                                                                        |
| Chức năng khí xả                                           | không thể điều tiết                                                                                                                                                                                        |
| Nút ghi đè                                                 | không<br>Trên van điện từ điều khiển trước: quét trên van tăng áp và van thông hơi: chốt, tự phục hồi<br>Trên van pilot: không tách rời, tách rời; trên van xả mềm / khởi động nhanh: tách ra, tự phục hồi |
| Kiểu cài đặt lại                                           | lò xo cơ học                                                                                                                                                                                               |
| Kiểu điều khiển                                            | điều khiển trước                                                                                                                                                                                           |
| Chức năng van                                              | 3/2 đóng đơn ổn định<br>chức năng tăng áp suất                                                                                                                                                             |
| Áp suất vận hành                                           | 0.3 MPA...1 MPA<br>3 bar...10 bar                                                                                                                                                                          |
| Bộ hiển thị áp suất                                        | G1/4 được chuẩn bị<br>G1/8 được chuẩn bị<br>Thang đo màu đỏ-xanh lá cây<br>với cảm biến áp suất<br>với cảm biến áp suất có màn hình LCD<br>với cảm biến áp suất có màn hình chuyển mạch<br>với áp kế       |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 4300 l/ph...5700 l/ph                                                                                                                                                                                      |
| Thời gian bật                                              | 100%                                                                                                                                                                                                       |
| Hiển thị trạng thái tín hiệu                               | Đèn LED<br>tiếp điểm không điện thế<br>Đầu ra chuyển mạch<br>qua AS-i                                                                                                                                      |

| Đặc tính                              | Giá trị                                                                                                                                                          |
|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Giá trị đặc trưng cuộn dây            | 110 V AC: 50/60 Hz, nguồn khởi động 3,0 VA, nguồn giữ 2,4 VA<br>230 V AC: 50/60 Hz, nguồn khởi động 3,0 VA, nguồn giữ 2,4 VA<br>24 V DC: 1,5 W<br>24 V DC: 1,8 W |
| Môi chất vận hành                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                                                                                             |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                                                                                                    |
| Lớp chống ăn mòn KBK                  | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                                                                                                           |
| Ghi chú vật liệu                      | Tuân thủ RoHS                                                                                                                                                    |
| Tuân thủ LABS                         | VDMA24364-B1/B2-L                                                                                                                                                |
| Mức độ bảo vệ                         | IP65<br>cố ổ cắm                                                                                                                                                 |
| Nhiệt độ trung bình                   | -10 °C...60 °C                                                                                                                                                   |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh        | -10 °C...60 °C                                                                                                                                                   |
| Nhiệt độ bảo quản                     | -10 °C...60 °C                                                                                                                                                   |
| chống sốc                             | Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27                                                                                      |
| Khả năng chống rung                   | Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6                                                                             |
| Giấy phép                             | Dấu RCM<br>c UL us - Recognized (OL)                                                                                                                             |
| Dấu hiệu KC                           | KC-EMV                                                                                                                                                           |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)   | theo chỉ thị EMC của EU<br>theo Chỉ thị máy móc của EU<br>theo chỉ thị điện áp thấp của EU<br>theo chỉ thị RoHS của EU                                           |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp) | theo quy định UK cho EMV<br>theo quy định của Vương quốc Anh đối với máy móc<br>theo các quy định UK RoHS                                                        |
| Cơ quan cấp chứng chỉ                 | IFA 1001180<br>Intertek UK-MCR-0086<br>TÜV 44 799 12 556236 000                                                                                                  |
| Phù hợp với thực phẩm                 | xem thông tin tài liệu bổ sung                                                                                                                                   |
| Kiểu gắn                              | Lắp đặt đường dây<br>với phụ kiện<br>tùy ý:                                                                                                                      |
| Vị trí lắp đặt                        | bất kì                                                                                                                                                           |
| Vật liệu vỏ                           | Nhôm đúc áp lực                                                                                                                                                  |
| Vật liệu cửa phốt                     | NBR                                                                                                                                                              |
| Vật liệu thanh piston                 | thép không gỉ hợp kim cao                                                                                                                                        |